TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HS-ST
Ngày 17-12-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ ông Nguyễn Hồng Phong.

2/ Bà Lê Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS, ngày 02 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Phan Văn T (tên gọi khác: không); sinh năm 1997 tại Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp M, xã T, huyện H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn T1 sinh năm 1972 (sống) và bà Đặng Thị Nha T sinh năm 1973 (sống); chưa có vợ con. Tiền án: ngày 15/3/2018 bị Toà án nhân dân T, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù giam về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chấp hành xong án phạt tù tại trạm giam Tống Lê Chân ra trại vào ngày 28/01/2019. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020 đến ngày 03/9/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Ông Lê Văn L, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Long An. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Tuấn S, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện H, tỉnh Long An.

2/ Phan Hoài L, sinh năm 2000. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 20 phút sáng ngày 31/8/2020, Phan Văn T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài nên chuẩn bị 01 chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa và 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha còn ½ chìa, cất giấu trong túi áo khoác rồi đi bộ ra thị trấn ĐT, huyện H tìm xe mô tô để lấy trộm nhưng không trộm được. Sau đó, T thuê một người chạy xe ôm nói là đi về tỉnh Tiền Giang, mục đích là dọc đường đi nếu phát hiện có mô tô để sơ hở, không người trông giữ sẽ ra tay lấy trộm. Xe ôm chở Tính đến B TL giáp lộ N2 thì rẽ phải về hướng TH. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe ôm chở T đến khu vực cầu BoBo trên quốc lộ N2 đến đoạn Kênh Ông L ở Ấp 2, xã L, huyện T, T nhìn thấy trong đường đá xanh, cặp bờ kênh bên trái quốc lộ N2 có xe mô tô Future biển số 62G1-290.75 đậu trên bờ kênh, không người trông coi. Từ vị trí xe vào hơn 200m có dáng người ngồi lom khom quay lưng lại xe mô tô đang đậu. T kêu xe ôm dừng lại, trả tiền xe rồi đi đến vị trí của xe mô tô 62G1-290.75. T lén lút sử dụng chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa để mở khóa xe, một lúc thì bật điện xe lên, T quay xe lại hướng ra Quốc lộ N2 và nổ máy chạy ra quốc lộ N2 về hướng huyện H. Khi đến khu vực gần cầu TH ở Ấp 2, xã B, huyện H, T bị lực lượng Công an cùng với quần chúng nhân dân chốt chặn bắt giữ rồi chuyển giao cho Cơ quan điều tra Công an huyện T xử lý.

Quá trình điều tra người bị hại ông Lê Văn L trình bày tài sản bị mất là: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda lại Future Fi, màu nâu vàng đồng, biển số 62G1-290.75, số khung: 7601GZ059155, số máy: JC76E0183553.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo T đã khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, phù hợp với lời khai của người bị hại và người làm chứng.

Vật chứng được thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô biển số 62G1-290.75. Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho ông Lê Văn L.

- 01 chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa và 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha còn ½ chìa

- Tại kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 691/KL-HĐĐG ngày 03/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T, tỉnh Long An xác định: xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Future Fi, màu nâu - vàng - đồng, biển số 62G1-290.75, số khung: 7601GZ059155, số máy: JC76E0183553 trị giá: 24.333.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) tại thời điểm ngày 31/8/2020.

Xử lý vật chứng:

Ngày 10/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Long An đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda,

loại xe Future Fi, màu nâu - vàng - đồng, biển số 62G1-290.75, số khung: 7601GZ059155, số máy: JC76E0183553 cho chủ sở hữu là ông Lê Văn L.

Đối với vật chứng: 01 chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa và 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha còn ½ chìa hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An đang quản lý.

Về bồi thường thiệt hại: người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, chỉ yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại cáo trạng số 42/CT-VKSTA ngày 30/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Phan Văn T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An truy tố tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSTA ngày 30/10/2020. Cụ thể: Truy tố: Về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Căn cứ vào điểm b khoản 1, Điều 173; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù. Căn cứ vào các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tang vật là 01 chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa và 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha còn ½ chìa hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An đang quản lý, tịch thu tiêu hủy. Bị cáo Phan Văn T phải có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi bị cáo đã thực hiện là vi phạm pháp luật, cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, bị cáo biết lỗi, rất hối hận, cho bị cáo gửi lời xin lỗi đến người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Bản ảnh xác định địa điểm, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án phù hợp với nhau.

[4] Qua lời khai nhận hành vi của bị cáo cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo được xét hỏi tại phiên toà đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo như sau: Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe ôm chở T đến khu vực cầu BoBo trên quốc lộ N2 đến đoạn Kênh Ông L ở Ấp 2, xã L, huyện T, Tính nhìn thấy trong đường đá xanh, cặp bờ kênh bên trái quốc lộ N2 có xe mô tô Future màu nâu vàng đậu trên bờ kênh, không người trông coi. Từ vị trí xe vào hơn 200m có dáng người ngồi lom khom quay lưng lại xe mô tô đang đậu, T không rõ là ai. T kêu xe ôm dừng lại, trả tiền xe 230.000 đồng rồi đi đến vị trí của xe mô tô đang đậu, lúc đó Tính mới biết xe có biển số 62G1-290.75. T lén lút sử dụng chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa để bẻ khóa xe, một lúc thì bật được điện xe lên, T quay xe lại hướng ra Quốc lộ N2 và nổ máy chạy ra quốc lộ N2 về hướng huyện H, T nghe tiếng truy hô phía sau mà không rõ truy hô gì. Với hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Phan Văn T và giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt 24.330.000 đồng là đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý nên hành vi vi phạm của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời qua phân tích, đánh giá nhận định của đại diện Viện kiểm sát trong phần luận tội, nhận thấy những căn cứ Viện kiểm sát viện dẫn làm căn cứ chứng minh hành vi phạm tội để đề nghị truy tố, xử phạt bị cáo Phan Văn T theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và hoàn toàn chính xác đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Hành vi trái pháp luật do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Xuất phát từ việc xem thường pháp luật, bị cáo có đủ sức khoẻ lao động phục vụ bản thân, lo cho gia đình và đóng góp cho xã hội nhưng lại không chịu lao động mà muốn có tài sản để tiêu xài theo sự ham muốn cá nhân của mình, nên thúc đẩy và đưa bị cáo vào đường phạm tội. Trực tiếp chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần phải xác định đến tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo để có một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đối với bị cáo cần phải được xử lý thật nghiêm khắc theo quy định của pháp luật, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn và buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi cuộc sống xã hội trong một thời gian nhất định để chấp hành hình phạt mới có đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo

trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Bị cáo đã bị kết án về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Thế nên, đối với bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Các biện pháp tư pháp:

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Future Fi, màu nâu - vàng - đồng, biển số 62G1-290.75, số khung: 7601GZ059155, số máy: JC76E0183553 đã trả cho chủ sở hữu ông Lê Văn L là phù hợp, nên không đề cập.

- Đối với 01 chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa và 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha còn ½ chìa là phương tiện dùng để thực hiện hành vi phạm tội, tịch thu tiêu hủy.

Tất cả vật chứng trong vụ án hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKS, ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

[8] Về án phi: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm h khoản 1 Điều 52; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: không) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/8/2020.

- Căn cứ vào Điều 329 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: không) với thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ vào các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Đối với tang chứng là 01 chìa khóa xe hiệu Honda còn nguyên chìa và 01 chìa khóa xe hiệu Yamaha còn ½ chìa, tịch thu tiêu hủy.

Tất cả vật chứng trong vụ án hiện nay do Chi cục Thi hành án dân sự T, tỉnh Long An đang quản lý theo quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKS-HS, ngày 30/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Căn cứ vào Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phan Văn T (tên gọi khác: không) phải có nghĩa vụ chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Phạm Văn Hải Nguyễn Văn Sở	**Nguyễn Thị Hồng Liên**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;
- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND TPTA;
- VKSND tỉnh LA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Công an TPTA;
- Cơ quan THAHS;
- Bị cáo, đương sự;
- THA, AV, Lưu .

Nguyễn Thị Hồng Liên

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66/TLA	Tân An, ngày 15 tháng 8 năm 2011

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 66/2011/HSST ngày 15/8/2011 đối với bị cáo:

Trần Đình Thắng; sinh năm 1988 tại Long An; trú tại: số 374 ấp Bình Trung, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An; nghề nghiệp: thợ bạc; trình độ văn hóa: lớp 10/12; con ông Trần Văn Bền (chết) và bà Lê Thị Bé (sống); bản thân chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo được tại ngoại. Có mặt.

- Người bị hại: Nguyễn Thanh Tuấn; sinh năm 1982; nghề nghiệp: công nhân; trú tại: số 176 ấp Bình Trung, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Trâm Anh; sinh năm 1961; nghề nghiệp: kinh doanh; trú tại: số 01 đường Lý Công Uẩn, phường 1, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt.

2/ Lê Thành Minh; sinh năm 1983; nghề nghiệp: tài xế; trú tại: số 71/1 đường Nguyễn Văn Quá, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Vắng mặt

3/ Lê Bích Vân; sinh năm 1972; nghề nghiệp: công nhân; trú tại: ấp Bình Trung, xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Có mặt.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Đình Thắng phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 2, Điều 202; Điều 45; các điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46; Điều 47; Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Thắng 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Đình Thắng cho Ủy ban nhân dân xã Nhơn Thạnh Trung, thành phố Tân An, tỉnh Long An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Đình Thắng phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN,
TỈNH LONG AN
THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN